

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05/3/2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Hoan;

- Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Ngọc D, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Y1, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các lời khai tiếp theo chị Trịnh Ngọc D là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức Q kết hôn ngày 17/10/2017 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L. Sau khi đăng ký kết hôn chị và anh Q về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu sống hạnh phúc và đã có một con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh 06/8/2018.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống hàng ngày không có sự thống nhất, nên xảy ra cãi nhau, chị cũng không hiểu tại sao anh Q lại nợ nần rất nhiều, chị hỏi nhưng anh Q không nói, qua mọi người thông tin lại thì được biết anh Q đánh bạc, còn cụ thể thế nào chị không rõ. Hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên, anh Q không quan tâm đến vợ con, chị vừa đi làm, vừa nuôi con, anh Q không hỗ trợ chị được gì.

Đến tháng 2/2020 mâu thuẫn giữa chị và anh Q lại xảy ra, hai người sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh Q vào miền nam làm ăn, chỗ ở không ổn định, chị không cung cấp được địa chỉ của anh Q ở chính xác chỗ nào, vì anh Q hay thay đổi chỗ ở. Thỉnh thoảng anh Q gọi điện thoại cho chị, mỗi lần điện thoại lại xảy ra cãi nhau, nên chị cũng ít nói chuyện, anh Q cũng hỏi han sức khỏe của con, ngoài ra không nói chuyện gì khác. Chị và hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần, nhưng anh Q không về.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh 06/8/2018, hiện chị đang nuôi, chị xin nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu.

Về tài sản: Đề chị và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Đức Q trình bày: Anh công nhận thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống như chị D trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng không thể kéo dài. Chị D xin ly hôn thì anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 06/08/2018. Nay ly hôn anh đồng ý để chị D nuôi con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị D không rút đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn chị D trình bày: Chị giữ nguyên ý kiến tại đơn khởi kiện và bổ sung thêm nội D như sau: Chị và anh Q quen biết nhau trong một thời gian ngắn thì kết hôn, sau khi cưới thì chị phát hiện ra anh Q nợ nần rất nhiều, chị đã nhiều lần phải trả nợ cho anh Q, đến tháng 2-2020 mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra, chị và anh Q đã sống ly thân, chị về nhà mẹ đẻ ở, còn anh Q vào tỉnh Bình Dương làm ăn, anh

Q vẫn điện thoại về hỏi thăm can, còn chị và anh Q đã chấm dứt quan hệ vợ chồng. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh 06/8/2018, hiện chị đang nuôi, chị xin nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu.

Về tài sản: Đề chị và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Đức Q xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 147, 227, 228, 271, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS);

Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Ngọc D được ly hôn anh Nguyễn Đức Q.

- Về con chung: Giao cho chị Trịnh Ngọc D trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 06/8/2018.

Về cấp dưỡng nuôi: Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị D, do chị D không yêu cầu

Về tài sản: Không đặt ra xem xét;

- Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi Th luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Trịnh Ngọc D có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Đức Q nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Đức Q là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm Q giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang thụ lý vụ án là đúng qui định.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Đức Q có đơn xin xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt anh Q theo qui định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Ngọc D và anh Nguyễn Đức Q kết hôn ngày 17/10/2-17 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam. Nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới chị D và anh Q về ở với nhau ngay, thời gian đầu hai người sống hạnh phúc và đã có một con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh 06/8/2018.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống hàng ngày không có sự thống nhất, nên hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên, anh Q không quan tâm đến vợ con, chị D vừa đi làm, vừa nuôi con. Đến tháng 2/2020 mâu thuẫn giữa chị D và anh Q lại xảy ra, hai người sống ly thân từ đó cho đến nay; chị D về nhà bố mẹ để ở huyện Y ở, còn anh Q vào miền Nam làm ăn. Tại bản tự khai anh Q cũng trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh không còn tình cảm với chị D. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh Q không tham gia; tại phiên tòa chị D xác định cũng không còn tình cảm với anh Q. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai bên không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Trịnh Ngọc D được ly hôn anh Nguyễn Đức Q.

[2.2]. Về con chung: Các đương sự trình bày có một chung là: Nguyễn Thị Thanh Th, sinh 06/8/2018, hiện con chung đang ở với chị D, chị D xin nuôi, anh Q đồng ý cho chị D nuôi con. Mặt khác theo qui định khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình qui định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó cần giao con Nguyễn Thị Thanh Th, sinh 06/8/2018 cho chị D nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh Q được Q thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện Q này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 58, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc buộc người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

[2.4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều: 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Ngọc D được ly hôn anh Nguyễn Đức Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh 06/8/2018.

Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị Trịnh Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0005166 ngày 23/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận chị D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Đ, huyện Lục Nam;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh